**CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HKI**

**Bài 1. Bài mở đầu**

**Câu 1. Một trong những phương hướng và nhiệm vụ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp nước ta hiện nay là:**

**A**. Xây dựng cơ sở bảo quản, chế biến sau thu hoạch

**B.** Xây dựng nền nông nghiệp sinh thái

**C.** Tăng cường sản xuất lương thực để xuất khẩu

**D.** Mở rộng khu chăn nuôi, trồng trọt

**Câu 2. Thành tựu nổi bật nhất của ngành nông, lâm, ngư nghiệp nước ta trong những năm gần đây là:**

**A.** Sản xuất lương thực tăng liên tục

**B.** Sản phẩm của ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã được xuất khẩu ra thị trường quốc tế

**C.** Đáp ứng được nhu cầu sản xuất công nghiệp

**D.** Hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung

**Câu 3. Vùng sản xuất tập trung nào sau đây là không đúng?**

**A.** Bình Thuận ⭢ Thanh Long

**B.** Lâm Đồng ⭢ Chè (Trà)

**C.** Bến Tre ⭢ Bưởi da xanh

**D.** Bình Phước ⭢ Lúa

**Câu 4. Các mặt hàng nông, lâm, ngư nghiệp được xuất khẩu ra thị trường thế giới là?**

**A.** Cà phê, cao su, chè

**B.** Tôm, cá, thú rừng

**C.** Cà phê, mía, xi măng

**D.** Trang trí nội thất, hoa kiểng, đồ điện tử

**Câu 5. Gạo đạt danh hiệu ngon nhất thế giới năm 2019 tại Manila:**

**A.** ST25

**B.** Gạo lài thơm

**C.** Nàng thơm chợ đào

**D.** Gạo nàng hương

**Câu 6. Việt Nam bị EU phạt thẻ vàng trong lĩnh vực xuất khẩu nào?**

**A.** Nông sản

**B.** Thủy sản

**C.** Lâm nghiệp

**D.** Hoa kiểng

**Bài 2. Khảo nghiệm giống cây trồng**

**Câu 7. Mục đích của công tác khảo nghiệm giống cây trồng là**

**A.** Đánh giá và công nhận giống để đưa vào sản xuất

**B.** Làm các thí nghiệm để kiểm tra giống mới

**C.** Đánh giá khách quan, chính xác và công nhận giống mới

**D.** Làm các thí nghiệm để so sánh giống cũ với giống mới.

**Câu 8. Nội dung của thí nghiệm kiểm tra kỹ thuật là gì?**

**A.** Xác định kỹ thuật gieo trồng của giống mới

**B.** Kiểm tra các chỉ tiêu về năng suất, chất lượng giữa giống mới và giống đang được sử dụng phổ biến

**C.** Đưa giống mới phổ biến vào sản xuất

**D.** Công nhận giống mới

**Câu 9. Khảo nghiệm giống cây trồng được thực hiện qua các bước nào?**

**A.** Đánh giá, công nhận giống mới -> Cung cấp thông tin kỹ thuật về giống mới

**B.** So sánh giống -> Sản xuất giống

**C.** So sánh giống -> Kiểm tra kỹ thuật -> Sản xuất quảng cáo

**D.** Đánh giá, công nhận giống mới -> Sản xuất quảng cáo.

**Câu 10. Công tác xem xét, theo dõi các đặc điểm sinh học, kinh tế, kĩ thuật canh tác để đánh giá xác nhận cây trồng là:**

**A.** Khảo nghiệm giống cây trồng

**B.** Sản xuất giống cây trồng

**C.** Nhân giống cây trồng

**D.** Xác định sức sống của hạt

**Câu 11. Mục đích của thí nghiệm sản xuất quảng cáo là gì?**

**A.** So sánh giống mới với giống đại trà

**B.** Tuyên truyền đưa giống mới vào sản xuất đại trà

**C.** Xác định kỹ thuật gieo trồng giống mới.

**D.** Kiểm tra lại đề xuất của cơ quan chọn tạo giống..

**Câu 12. Thí nghiệm so sánh giống nhằm mục đích gì?**

**A.** So sánh toàn diện giống mới nhập nội với giống đại trà.

**B.** Để mọi người biết về giống mới.

**C.** Kiểm tra những kỹ thuật của cơ quan chọn tạo giống về quy trình kỹ thuật.

**D.** Duy trì những đặc tính tốt của giống.

**Câu 13. Nội dung của thí nghiệm so sánh giống là:**

**A.** Bố trí sản xuất so sánh giống mới với giống đại trà.

**B.** Bố trí thí nghiệm trên diện rộng

**C.** Bố trí sản xuất so sánh các giống với nhau.

**D.** Bố trí sản xuất với các chế độ phân bón khác nhau.

**Câu 14. Thí nghiệm kiểm tra kĩ thuật nhằm mục đích gì?**

**A.** Kiểm tra những kỹ thuật của cơ quan chọn tạo giống về quy trình kỹ thuật.

**B.** Để mọi người biết về giống mới.

**C.** So sánh giống mới nhập nội với giống đại trà.

**D.** Duy trì những đặc tính tốt của giống.

**Câu 15. Giống được cấp giấy chứng nhận Giống Quốc Gia khi đã đạt yêu cầu của:**

**A.** Thí nghiệm kiểm tra kĩ thuật.

**B.** Thí nghiệm sản xuất quảng cáo.

**C.** Thí nghiệm so sánh giống.

**D.** Không cần thí nghiệm.

**Câu 16.  Một xã X mới nhập về một giống lúa mới, đang được quảng cáo là chất lượng, năng suất cao hơn hẳn giống cũ. Để mọi người sử dụng giống này trước hết họ phải làm gì?**

**A.** Làm thí nghiệm kiểm tra kĩ thuật.

**B.** Làm thí nghiệm so sánh giống.

**C.** Làm thí nghiệm quảng cáo.

**D.** Không cần làm thí nghiệm mà cho sản xuất đại trà ngay.

**Bài 3 + 4: Sản xuất giống cây trồng**

**Câu 17. Hạt giống nguyên chủng được sản xuất từ:**

**A.** Hạt giống xác nhận

**B.** Hạt giống được kiểm tra kỹ

**C.** Hạt giống siêu nguyên chủng

**D.** Hạt giống có chất lượng cao

**Câu 18. Hệ thống sản xuất giống cây trồng gồm mấy giai đoạn?**

**A.** 6 giai đoạn

**B.** 5 giai đoạn

**C**. 4 giai đoạn

**D.** 3 giai đoạn

**Câu 19. Cho biết trình tự sản xuất giống cây trồng?**

**A.** Sản xuất hạt nguyên chủng ->hạt xác nhận -> hạt siêu nguyên chủng

**B.** Sản xuất hạt xác nhận -> hạt nguyên chủng -> hạt siêu nguyên chủng

**C.** Sản xuất hạt đại trà -> hạt siêu nguyên chủng -> hạt nguyên chủng

**D.** Sản xuất hạt siêu nguyên chủng -> hạt nguyên chủng -> hạt xác nhận

**Câu 20. Hạt giống nào được sản xuất ở các xí nghiệp, trung tâm sản xuất giống chuyên trách?**

**A.** Hạt siêu nguyên chủng

**B.** Hạt nguyên chủng

**C.** Hạt xác nhận

**D.** Hạt đại trà

**Câu 21. Hạt giống nào được sản xuất ở các công ty, trung tâm giống cây trồng?**

**A.** Hạt siêu nguyên chủng

**B.** Hạt nguyên chủng

**C.** Hạt xác nhận

**D.** Hạt đại trà

**Câu 22. Hạt giống nào được sản xuất ở các cơ sở nhân giống liên kết giữa các công ty, trung tâm và cơ sở sản xuất?**

**A.** Hạt siêu nguyên chủng

**B.** Hạt nguyên chủng

**C.** Hạt xác nhận

**D.** Hạt đại trà

**Câu 23. Quy trình sản xuất giống theo sơ đồ duy trì được thực hiện trong mấy năm?**

**A.** 2 năm

**B.** 3 năm

**C.** 4 năm

**D.** 5 năm

**Câu 24. Hạt giống siêu nguyên chủng là:**

**A.** Hạt giống có chất lượng và độ thuần khiết rất cao

**B.** Hạt giống được sản xuất ra từ hạt nguyên chủng

**C.** Hạt giống có số lượng nhiều hơn hạt nguyên chủng và hạt xác nhận

**D.** Hạt giống dùng để đưa cho nông dân sản xuất đại trà

**Câu 25. Trong quy trình sản xuất giống theo sơ đồ duy trì, nhiệm vụ của năm thứ 1 là gì?**

**A.** Sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng

**B.** Sản suất hạt giống nguyên chủng

**C.** Gieo hạt tác giả, chọn cây ưu tú

**D.** Sản xuất hạt giống xác nhận

**Câu 26. Trong quy trình sản xuất giống theo sơ đồ duy trì, nhiệm vụ của năm thứ 3 là gì?**

**A.** Sản xuất hạt giống siêu nguyên chủng

**B.** Sản suất hạt giống nguyên chủng

**C.** Gieo hạt tác giả, chọn cây ưu tú

**D.** Sản xuất hạt giống xác nhận

**Câu 27. Khi sản xuất giống ở cây thụ phấn chéo cần lưu ý:**

**A.** Lựa chọn hạt giống tốt

**B.** Loại bỏ hạt không đạt yêu cầu

**C.** Trồng ở ruộng cách ly

**D.** Chọn các dòng đúng giống

**Câu 28. Sản xuất giống ở cây trồng thụ phấn chéo cần loại bỏ cây xấu khi:**

**A.** Cây chưa ra hoa

**B.** Hoa đực đã tung phấn

**C.** Hoa đực chưa tung phấn.

**D.** Cây đã kết quả

**Câu 29. Sản xuất giống cây rừng gặp những khó khăn gì?**

**A.** Mất thời gian

**B.** Dễ lựa chọn

**C.** Thực hiện nhanh

**D.** Ít tốn kém

**Câu 30. Trình tự sắp xếp chất lượng hạt giống qua các giai đoạn sản xuất giống như thế nào?**

**A.** Siêu nguyên chủng > Nguyên chủng > xác nhận.

**B.** Nguyên chủng > siêu nguyên chủng > xác nhận

**C.** Siêu nguyên chủng < nguyên chủng < xác nhận

**D.** Nguyên chủng < siêu nguyên chủng < xác nhận

**Câu 31. Hình thức nhân giống nào sau đây KHÔNG phải là nhân giống vô tính?**

**A.** Nhân giống bằng ghép, chiết

**B.** Nhân giống bằng hạt

**C.** Nhân giống bằng giâm cành

**D.** Nhân giống bằng củ

**BÀI 6. Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng**

**Câu 32. Vật liệu dùng để nuôi cấy mô tế bào là:**

**A.** Mô phân sinh trong các đỉnh sinh trưởng

**B.** Mô ở rễ, thân

**C.** Tế bào sinh dưỡng

**D.** Mô ở lá cây

**Câu 33. Ý nghĩa của công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào ở cây trồng:**

**A.** Các cây sinh ra đồng nhất về mặt di truyền và giống với tế bào ban đầu

**B.** Các cây sinh ra không đồng nhất về mặt di truyền

**C.** Tạo ra các cây đột biến mới

**D.** Các cây sinh ra đồng nhất về mặt di truyền và khác với tế bào ban đầu

**Câu 34. Quy trình nhân giống cây trồng bằng nuôi cấy mô tế bào được thực hiện qua các bước nào?**

**A.** Chọn vật liệu nuôi cấy 🡪 tạo chồi 🡪 tạo rễ 🡪 cấy cây vào môi trường thích ứng 🡪 trồng cây ra vườn ươm

**B.** Chọn vật liệu nuôi cấy 🡪 khử trùng 🡪 tạo chồi 🡪 tạo rễ 🡪 trồng cây ra vườn ươm

**C.** Chọn vật liệu nuôi cấy 🡪 khử trùng 🡪 tạo chồi 🡪 tạo rễ 🡪 cấy vào môi trường thích ứng 🡪 trồng cây ra vườn ươm

**D.** Chọn vật liệu nuôi cấy 🡪 tạo chồi 🡪 tạo rễ 🡪 trồng cây ra vườn ươm

**Câu 35.** **Trong quy trình công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào, phân cắt đỉnh sinh trưởng của vật liệu nuôi cấy thành các phần tử nhỏ thuộc khâu nào?**

**A.** Chọn vật liệu nuôi cấy.

**B.** Tạo chồi.

**C.** Khử trùng.

**D.** Tạo rễ.

**Câu 36. Quy trình sản xuất giống bằng nuôi cấy mô tế bào có mấy bước?**

**A.** 4 bước

**B.** 5 bước

**C.** 6 bước

**D.** 7 bước

**Bài 7. Một số tính chất của đất trồng**

**Câu 37. Keo đất là những phần tử nhỏ có kích thước:**

**A.** < 1 μm (micromet)

**B.** > 1 μm (micromet)

**C.** > 1 mm (milimet)

**D.** < 1 ηm (nanomet)

**Câu 38. Lớp ion bù gồm:**

**A.** Lớp ion bất động + lớp ion khuếch tán

**B.** Lớp ion quyết định điện + lớp ion bất động

**C.** Lớp ion bất động + lớp ion âm

**D.** Lớp ion khuếch tán + lớp ion quyết định

**Câu 39. Độ chua hoạt tính của dung dịch đất do yếu tố nào quyết định?**

**A.** Do ion H+ trong dung dịch đất gây nên

**B.** Do ion H+ và Al3+ trên bề mặt keo đất gây nên

**C.** Do ion H+ trên bề mặt keo đất gây nên

**D.** Do ion H+ và Al3+ trong dung dịch đất gây nên

**Câu 40.**  **Keo dương là keo?**

**A.** Có lớp ion khuếch tán mang điện tích dương.

**B.** Có lớp ion quyết định điện mang điện tích dương.

**C.** Có lớp ion bất động mang điện tích dương.

**D.** Có lớp ion quyết định điện mang điện tích âm.

**Câu 41. Chọn câu đúng:**

**A.** Nếu [H+] > [OH-]  thì đất có phản ứng kiềm.

**B.** Nếu [H+] < [OH-] thì đất có phản ứng trung tính.

**C.** Nếu [H+] > [OH-] thì đất có phản ứng chua.

**D.** Nếu [H+] < [OH-] thì đất có phản ứng chua.

**Câu 42. Độ chua tiềm tàng của đất được tạo nên bởi?**

**A.** H+ trong dung dịch đất.

**B.** Al3+ trong dung dịch đất.

**C.** H+ và Al3+ trên bề mặt keo đất.

**D.** H+ và Al3+ trong keo đất.

**Câu 43. Bố trí cây trồng phù hợp cần**

**A.** Xác định độ chua của đất

**B.** Xác định điều kiện sống

**C.** Xác định cơ sở vật chất có sẵn

**D.** Xác định khả năng kinh tế cơ sở

**Câu 44.** **Lớp ion nào sau đây có khả năng trao đổi ion với môi trường ngoài?**

**A.** Lớp ion khuếch tán.

**B.** Lớp ion bất động.

**C.** Lớp ion quyết định điện.

**D.** Lớp ion bù.

**Câu 45. Lớp ion bất động là:**

**A.** Lớp ion nằm ngòai cùng.

**B.** Mang điện tích trái dấu với lớp ion quyết định điện

**C.** Có khả năng trao đổi ion với môi trường bên ngoài

**D.** Lớp ion nằm kề nhân keo.

**Câu 46. Trong keo đất, lớp ion nằm sát ngoài nhân là?**

**A.** Lớp ion bất động **B.** Lớp ion khuếch tán

**C.** Lớp ion quyết định điện **D.** Lớp ion bù

**Bài 8: Thực hành xác định độ chua của đất**

**Câu 47. Giả sử đất A có pH=5 thì đất A thuộc loại đất gì?**

A. Đất chua B. Đất kiềm C. Đất mặn D. Đất trung tính

**Câu 48. Đất chua có trị số pH dao động trong khoảng nào?**

A. pH = 3 – 9 B. pH < 6.5 C. pH = 6.6 – 7.5 D. pH > 7.5

**Câu 49. Trong bài thực hành xác định độ chua của đất đã sử dụng loại thuốc thử nào?**

A. KCl B. HCl C. CaCl D. NaCl

**Bài 10. Biện pháp cải tạo và sử dụng đất mặn, đất phèn**

**Câu 50. Nguyên nhân chính làm cho đất bị nhiễm mặn là:**

A. Do đất chứa nhiều cation natri, do nước biển tràn vào

B. Do nước biển tràn vào và do ảnh hưởng của nước ngầm

C. Do ảnh hưởng của nước ngầm, do đất chứa nhiều cation natri

D. Do nước biển tràn vào, do trong đất chứa nhiều chất độc hại

**Câu 51. Đất mặn phân bố nhiều ở?**

A. Đồng bằng Bắc bộ B. Trung du miền núi

C. Vùng phù sa mới D. Đồng bằng ven biển

**Câu 52. Đất mặn có đặc điểm:**

A. Phản ứng trung tính, hơi kiềm B. Phản ứng chua, trung tính

C. Phản ứng kiềm, mặn D. Phản ứng vừa chua vừa mặn

**Câu 53. Đất mặn có thành phần cơ giới nặng, có tỉ lệ sét:**

A. 45% - 50% B. 40% - 50% C. 50% - 60% D. 30% - 40%

**Câu 54. Đất mặn sau khi bón vôi một thời gian cần:**

A. Trồng cây chịu mặn B. Bón nhiều phân đạm, kali

C. Bón bổ sung chất hữu cơ D. Tháo nước để rửa mặn

**Câu 55. Biện pháp cải tạo không phù hợp với đất mặn:**

A. Lên liếp (làm luống) hạ thấp mương tiêu mặn B. Tháo nước rửa mặn

C. Đắp đê, xây dựng hệ thống mương máng, tưới tiêu hợp lí D. Bón vôi

**Câu 56. Đất mặn áp suất thẩm thấu dung dịch cao vì chứa nhiều:**

A. Chất hữu cơ B. Bazơ C. H2SO4 D. NaCl, Na2SO4

**Câu 57. Bón vôi cho đất mặn có tác dụng:**

A. Làm cho đất tơi xốp B. Làm giảm độ chua

C. Tăng cường chất hữu cơ cho đất D. Đẩy Na+ ra khỏi bề mặt keo đất

**Câu 58. Đất mặn chứa nhiều ion Na+ sử dụng biện pháp nào là quan trọng nhất?**

A. Trồng cây chịu mặn B. Bón vôi, rửa mặn

C. Bón vôi, trồng cây chịu mặn D. Xây dựng hệ thống thủy lợi

**Câu 59. Ở Việt Nam, đất mặn được hình thành ở ........... và cây trồng phát thích hợp trên đất mặn là ..........**

A. Vùng đồng bằng ven biển; cây Cói B. Vùng đồng bằng Bắc Bộ; cây Súng, Sen

C. Vùng đồng bằng sông Hồng; cây Vẹt D. Vùng trung du miền núi; cây Bạch đàn, cây Keo

**Câu 60. Nguyên nhân hình thành đất phèn là do:**

A. Đất có nhiều xác sinh vật chứa lưu huỳnh B. Đất có nhiều H2SO4

C. Đất bị ngập úng D. Đất có nhiều muối

**Câu 61. Tầng sinh phèn là tầng đất có chứa nhiều:**

A. FeS2 B. Cation canxi C. Cation natri D. H2SO4

**Câu 62. Đất phèn có thành phần cơ giới nặng, đất rất chua và có:**

A. pH < 7 B. pH < 4 C. pH > 7 D. pH > 4

**Câu 63. Bón vôi cho đất phèn có tác dụng:**

A. Tăng chất dinh dưỡng cho đất B. Bổ sung chất hữu cơ cho đất

C. Khử chua và làm giảm độc hại của nhôm D. Khử mặn

**Câu 64. Ở đồng bằng sông Cửu Long, áp dụng phối hợp biện pháp cày nông, bừa sục, giữ nước liên tục, tháo nước thường xuyên để trồng được cây gì?**

A. Cây lúa B. Cây đước C. Cây dứa D. Cây tràm

**Câu 65. Ở Việt Nam, đất phèn phân bố chủ yếu ở...........và cây trồng phát triển mạnh trên đất phèn là..........**

A. Đồng bằng sông Cửu Long; cây Dứa B. Miền Bắc; cây Đước

C. Đồng bằng sông Hồng; cây Vẹt D. Miền Nam; cây Mắm và cây Sú

**Câu 66. Đi làm ruộng về móng chân bị vàng. Theo em đất này thuộc loại đất nào?**

A. Đất mặn B. Đất phèn C. Đất xám bạc màu D. Đất phù sa

**Câu 67. Tính chất chung của đất mặn, đất phèn là:**

A. Đất chua hoặc rất chua

B. Hoạt động vi sinh vật trong đất yếu

C. Thành phần cơ giới nhẹ

D. Tầng lớp đất mặt bị rửa trôi

**Câu 68. Biện pháp “Cày sâu, phơi ải” được áp dụng để cải tạo đất gì?**

A. Đất mặn B. Đất phèn

C. Đất xám bạc màu D. Đất xói mòn mạnh trơ sỏi đá

**Câu 69. “Chứa nhiều chất độc hại cho cây trồng: Al3+, Fe3+, CH4, H2S” là đặc điểm của loại đất nào sau đây?**

A. Đất phèn B. Đất mặn C. Đất phù sa D. Đất xám bạc màu

**Bài 12. Đặc điểm, tính chất, kỹ thuật sử dụng một số loại phân bón thông thường**

**Câu 70. Những loại phân sau phân nào là phân hữu cơ:**

A. Phân bò, phân heo, phân xanh B. Phân bắc, phân xanh, phân ure

C. Than bùn, cây họ Đậu, super lân D. Phân ure, phân NPK

**Câu 71.** **Những loại phân sau phân nào là phân hóa học?**

A. Phân chuồng, phân lân, phân NPK B. Phân xanh, phân bắc, phân rác

C. Phân Kali, phân Ure, phân NPK D. Phân NPK, phân Ure, phân bắc

**Câu 72. Các loại phân dùng bón lót:**

A. Phân lân, phân hữu cơ, hỗn hợp NPK B. Phân hữu cơ, đạm, lân

C. Phân VSV, phân ure D. Phân đạm, phân hỗn hợp NPK

**Câu 73. Đặc điểm của phân hữu cơ:**

A. Cải tạo đất, không làm hại đất B. Sử dụng liên tục làm cho đất bị chua

C. Dễ tan, có thời gian sử dụng ngắn D. Thành phần dinh dưỡng ổn định

**Câu 74.** **Phân hóa học là loại phân:**

**A**. Được sản xuất theo quy trình công nghiệp. **B.** Loại phân sử dụng tất cả các chất thải.

**C**. Có chứa các loài VSV. **D.** Loại phân hữu cơ vùi vào đất.

**Câu 75. Phân không có tác dụng cải tạo đất:**

**A.** Phân hóa học. **B**. Phân hữu cơ. **C**. Phân vi sinh. **D.** Phân lân.

**Câu 76. Phân hữu cơ trước khi sử phải ủ cho hoai mục nhằm:**

**A**. Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải và tiêu diệt mầm bệnh.

**B.** Thúc đẩy nhanh quá trình phân giải.

**C**. Tiêu diệt mầm bệnh.

**D**. Cây hấp thụ được.

**Câu 77. Các loại phân dùng để bón thúc?**

A. Phân lân, phân hữu cơ, hỗn hợp NPK

B. Phân vi sinh vật, phân ure

C. Phân hữu cơ, phân đạm, phân lân

D. Phân đạm, phân kali, phân hỗn hợp NPK

**Câu 78.** **Thành phần chất hữu cơ trong đất gồm có:**

**A.** Các chât dinh dưỡng như phốtpho, nitơ. **B.** Khoáng.

**C.** Xác động vật, thực vật, vi sinh vật chết.  **D.** Các sinh vật sống trong đất.

**Câu 79. Phân VSV là lọai phân bón:**

A. Chứa VSV sống có ích B. Chứa vi khuẩn có hại

C. Chứa xác VSV D. Chứa virus và vi khuẩn

**Câu 80. Chọn câu trả lời đúng:**

A. Phân hóa học chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỉ lệ dinh dưỡng thấp

B. Phân hóa học chứa ít nguyên tố dinh dưỡng nhưng tỉ lệ dinh dưỡng cao

C. Phân hóa học dễ tan nên dùng để bón lót là chính

D. Phân hóa học khó tan nên dùng để bón lót là chính

**Câu 81. Vì sao không nên sử dụng phân hóa học quá nhiều?**

A. Khó tan, cây không hấp thụ được, làm cho đất bị chua

B. Dễ tan, cây không hấp thụ hết, có tác dụng cải tạo đất

C. Khó tan, không có tác dụng cải tạo đất, làm cho đất bị chua

D. Dễ tan, cây không hấp thụ hết gây lãng phí, làm đất chua

**Câu 82. Khi bón nhiều phân đạm và bón liên tục nhiều năm sẽ gây hiện tượng gì cho đất?**

A. Đất sẽ kiềm hơn B. Đất sẽ mặn hơn

C. Đất sẽ chua hơn D. Đất trung tính

**Câu 83. Khi sử dụng phân hữu cơ cần chú ý điều gì?**

A. Phân đạm, kali dùng để bón thúc là chính

B. Phải bón thêm vôi

C. Phải ủ trước khi bón

D. Chứa ít nguyên tố khoáng

**Câu 84. Phân chứa nhiều nguyên tố dinh dưỡng từ đa lượng, trung lượng, vi lượng là:**

A. Phân hóa học B. Phân hữu cơ C. Phân vi sinh vật D. Phân NPK

**Câu 85. Loại phân bón nào sử dụng liên tục sau nhiều năm phải bón vôi cải tạo đất?**

A. Phân chuồng B. Phân đạm C. Phân lân D. Phân vi sinh

**Câu 86. Nông dân dùng tro để bón cho cây trồng là đang cung cấp nguyên tố dinh dưỡng nào sau đây?**

A. Đạm B. Lân C. Kali D. Canxi

**Bài 13. Ứng dụng công nghệ vi sinh trong sản xuất phân bón**

**Câu 87. Nguyên lý sản xuất phân vi sinh:**

A. Nhân và phối trộn chủng vi sinh vật đặc hiệu với một chất nền

B. Tìm một chủng vi sinh vật đặc hiệu để hòa trộn vào trong đất

C. Nhân và phối trộn chủng vi sinh vật đặc hiệu trong phân hữu cơ

D. Tìm một chủng vi sinh vật giúp tạo nhiều dinh dưỡng trong đất

**Câu 88. Để sản xuất phân bón Nitragin, người ta tận dụng mối quan hệ gì giữa cây trồng và vi sinh vật?**

A. Có lợi B. Cộng sinh C. Hội sinh D. Ký sinh

**Câu 89. Bón phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ để:**

A. Phân giải Xenlulo B. Bổ sung các dưỡng chất thiếu cho cây

C. Cung cấp Đạm, Lân, Kali cho đất D. Phân giải Lân khó tan

**Câu 90. Để chuyển hóa phân lân khó tan thành phân lân dễ tan thì dùng loại phân nào sau đây?**

A. Phân vi sinh vật cố định đạm B. Phân lân hữu cơ vi sinh

C. Photphobacterin D. Phân vi sinh vật phân giải chất hữu cơ

**Câu 91. Chọn phát biểu sai:**

A. Photphobacterin là phân bón chứa vi sinh vật chuyển hóa lân khó tan thành lân dễ tan

B. Photphobacterin dùng để tẩm vào hạt giống trước khi gieo trồng

C. Photphobacterin có thể bón trực tiếp vào đất

D. Photphobacterin là phân bón chứa vi sinh vật chuyển hóa lân hữu cơ thành lân vô cơ

**Câu 92. Phân vi sinh vật có khả năng phân giải chất hữu cơ là:**

A. Photphobacterin B. Nitragin C. Azogin D. Mana

**Câu 93. Phân vi sinh vật cố định Nitơ tự do cộng sinh với cây họ đậu:**

A. Nitragin B. Estrasol C. Azogin D. Mana

**Câu 94. Phân vi sinh vật cố định đạm hội sinh với cây lúa và một số cây trồng khác**

A. Azogin B. Nitragin C. Photphobacterin D. Estrasol

**Câu 95. Phân vi sinh vật có đặc điểm?**

A. Mỗi loại phân chỉ thích hợp với một hoặc một nhóm cây trồng nhất định

B. Bón phân vi sinh vật nhiều năm làm hại đất

C. Phân vi sinh vật dễ hòa tan, cây dễ hấp thụ

D. Có thành phần và tỉ lệ chất dinh dưỡng không ổn định

**Câu 96. Một số loại phân bón VSV cố định đạm có tên là:**

A. Nitragin và Estrasol B. Estrasol và Mana

C. Azogin và Mana D. Nitragin và Azogin